

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2017/DS-ST

Ngày 15/09/2017

***“V/v chia tài sản chung
sau ly hôn”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Ngọc Sơn.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Văn Khiết - Thẩm tra viên
Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông
Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 tháng 2017 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43 /2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 09 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** chị Vi Thị H - Sinh năm 1987. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn C – xã P – huyện LN – tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** Anh Chu Văn L - Sinh năm 1976. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn C – xã P – huyện LN – tỉnh Bắc Giang..

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Chị Hoàng Thị T - Sinh năm 1984. Có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C – xã P – huyện LN – tỉnh Bắc Giang..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại Toà án của nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nội dung vụ án như sau:

Chị Vi Thị H và anh Chu Văn L kết hôn với nhau vào năm 2002. Sau khi kết hôn anh L chị H về chung sống cùng nhau ngày tại thôn C – xã P – huyện LN - Bắc Giang và ở chung cùng gia đình anh L. Đến năm 2010 anh L chị H ra ở riêng. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị H anh L làm thủ tục giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn vào năm 2013. Hai bên đã thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn, về con chung chị H nuôi hai con chung, anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Về tài sản chung, anh L chị H tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên khi đến hạn theo sự thỏa thuận, anh L không thực hiện việc trả tiền cho chị H. Nay chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn giữa chị và anh L gồm:

Diện tích đất 79m² tại thôn Cầu Chét, P trên đất có một ngôi nhà cấp 4. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Chu Văn L.

Anh L xác nhận khi giải quyết ly hôn anh có nhận trách nhiệm trích chia giá trị tài sản chung cho chị H bằng số tiền 220.000.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn anh L vẫn chưa trả được tiền cho chị H. Anh L cũng xác định trước khi còn chung sống anh và chị H có ở chung trên mảnh đất rộng 79m² tại thôn C, xã P. Trên đất có một căn nhà cấp 4. Tuy nhiên đây không phải là tài sản chung của anh và chị H, mảnh đất này do bố mẹ anh mua từ năm 2006 đến năm 2010 thì anh làm thủ tục đứng tên anh. Do bố mẹ anh cho riêng anh, chỉ đứng tên anh do vậy đây là tài sản riêng của anh, không phải là tài sản chung, anh không đồng ý chia số tài sản cho chị H.

Ngoài ra anh L chị H xác nhận không có tài sản chung nào khác và không liên quan vay nợ chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T trình bày chị về chung sống cùng anh L từ năm 2013 trên diện tích đất 79m² tại thôn C, xã P, chị và anh L đã có 01 con chung với nhau. Từ khi về chung sống với anh L trên Mảnh đất này chị không có xây dựng, cới nới, tu sửa gì thêm trên diện tích đất này. Việc giải quyết vụ án giữa chị H anh L chị không có yêu cầu gì.

Ngày 28/08/2017 Tòa án tiến hành định giá diện tích đất 79m² tại thôn C, xã P và tài sản trên đất theo đơn yêu cầu của chị H như sau:

1. Diện tích đất ở 79m² tại thôn C, xã P theo Quyết định 808/2016/UB – ND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang có giá 1.690.000 đồng/1m². Giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương là 8.228.000 đồng/1m². Hội đồng định giá biểu quyết áp theo giá chuẩn nhượng thực tế tại địa phương là 8.288.000 đồng x 79m² = 650.012.000 đồng.

2. Nhà cấp 4 mái tôn + Prô Xi măng. $14,6\text{m}^2 \times 5 = 73.15\text{m}^2 \times 2.131.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 33.3\% = 51.908.922$ đồng.

3. Bếp lợp Prô Xi măng: $18.86\text{m}^2 \times 700.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 33.3\% = 4.396.266$ đồng.

4. Sân bê tông: $20.47\text{m}^2 \times 85.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 50\% = 869.975$ đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 707.187.163 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên Tòa hôm nay, anh Chu Văn L và chị Vy Thị H đều xác nhận sau khi giải quyết ly hôn xong, anh chị còn nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LN 100 triệu đồng, nợ Phòng dao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN 20 triệu đồng và nợ tiền nước sạch là 08 triệu đồng. Toàn bộ số tiền này đến nay anh Chu Văn L đã tự trả xong, anh L còn quản Lý sử dụng sổ hàng hóa và tủ đựng hàng hóa có giá trị là 100 triệu đồng, chị H quản L sử dụng 02 chiếc xe máy có giá trị là 20 triệu đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được sử dụng, quản Lý toàn bộ đất và tài sản trên đất. Anh L có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản bằng tiền cho chị bằng tiền mặt bằng 50% giá trị tài sản chung. Anh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H. Anh cho rằng diện tích đất 79m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản riêng của anh, không phải là tài sản chung và cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị H là không đúng.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ Lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Áp dụng các điều 59; 62 Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; điều 35; 91, 96, 147, 156, 157, 158, điều 227; điều 271; 273, điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H. Giao cho anh L quản Lý, sử dụng diện tích đất 79m^2 tại thôn C, xã P, huyện LN. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Chu Văn L có giá trị 650.012.000 đồng, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 mái tôn + Prô xi măng có giá 51.908.922 đồng; 01 bếp lợp Pro

xi măng có giá 4.396.266 đồng; 01 sân bê tông có giá 8.69.975 đồng. Tổng giá trị trên đất là 707.187.163 đồng. Anh L có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản bằng tiền cho chị H là 351.593.581 đồng.

Về án phí: Anh L, chị H phải chịu án phí chia tài sản tương ứng với phần giá trị tài sản mỗi bên được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vi Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết chia tài sản chung với anh Chu Văn L là đất và tài sản trên đất của vợ chồng sau khi ly hôn, do vậy đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Chị H đề nghị Tòa án giải quyết chia diện tích đất 79m² trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4. 01 nhà bếp, 01 sân bê tông. Ngoài ra còn một số tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết. Anh L không đồng ý với yêu cầu của chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H anh L đều xác nhận khi còn ở chung với bố mẹ anh L thì bố mẹ anh L là người đứng ra mua mảnh đất này vào năm 2006. Đến năm 2010 bố mẹ anh L cho anh L chị H ra ở riêng đã cho anh L làm thủ tục sang tên mảnh đất này đứng tên hộ ông Chu Văn L. Tòa án đã tiến hành xác minh bà Lý Thị K là mẹ đẻ anh L cũng xác nhận vào năm 2007 bà có mua 79m² đất cạnh quốc lộ 31, thôn C, xã P của ông Sái Văn P, trên đất có nhà cấp 4 lợp mái tôn, công trình phụ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Pháp, khi mua bà chưa sang tên ngay. Bà là người đưa tiền cho ông P bằng số tiền chung của gia đình bà. Đến năm 2010 khi anh L chị H ra ở riêng trên mảnh đất này bà đã cho anh L làm thủ tục sang tên để thuận tiện sinh sống. Nay bà xác định mảnh đất này là do bà mua, bà cho riêng anh L đứng tên chứ không cho chị H. Đây là tài sản riêng của anh L. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P. Đại diện Ủy ban nhân dân xã cho rằng việc anh L mua đất của ông Sái Văn P có làm thủ tục chuyển nhượng qua địa phương. Hiện nay mảnh đất đứng tên hộ anh Chu Văn L vào năm 2010 là tài sản

phát sinh trong thời kỳ còn hôn nhân của chị H anh L. Do vậy đây là tài sản chung của anh L chị H. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận định mảnh có diện tích 79m² trên được UBND huyện LN cấp GCNQSDĐ năm 2010 theo quyết định chuyển nhượng, mua bán ngày 27/10/2010 đứng tên anh Chu Văn L, đất đã được chuyển nhượng thực tế theo đúng quy định cho anh L trong thời kỳ anh L chị H tồn tại quan hệ hôn nhân và đã ra ở riêng, anh L chị H còn tiếp tục phát triển kinh tế và kinh doanh bán hàng trên mảnh đất này trong một thời gian dài. Do vậy không thể nói rằng mảnh đất chỉ đứng tên anh L là tài sản riêng của anh L. Do vậy những tài sản như chị H trình bày đều phát sinh trong quá trình vợ chồng chung sống nên việc chị H xác định là tài sản chung của chị và anh L và đề nghị Tòa án giải quyết phân chia số tài sản này cho chị và anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên Tòa hôm nay, anh Chu Văn L và chị Vy Thị H đều xác nhận sau khi giải quyết ly hôn xong, anh chị còn nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LN 100 triệu đồng, nợ Phòng dao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện LN 20 triệu đồng và nợ tiền nước sạch là 08 triệu đồng. Toàn bộ số tiền này đến nay anh Chu Văn L đã tự trả xong, anh L còn quản Lý sử dụng số hàng hóa và tủ đựng hàng hóa có giá trị là 100 triệu đồng, chị H quản Lý sử dụng 02 chiếc xe máy có giá trị là 20 triệu đồng. Sau khi đối trừ thì chị H không phải cùng anh L trả số nợ trên.

Đối với khoản nợ 80 triệu đồng anh L khai còn nợ của bố mẹ anh, số tiền này chị H không thừa nhận, anh L cũng không chứng minh được cùng chị H vay số tiền trên.

Đối với tài sản là 02 chiếc xe máy có giá trị là 20 triệu đồng, sau khi ly hôn, chị H đã quản Lý, sử dụng nên cần đối trừ cho anh L khi trích chia tài sản cho chị H.

Khi xem xét để phân chia. Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nguồn gốc tài sản và hoàn cảnh của các bên để phân chia cho phù hợp với quy định của pháp luật. Xét về hoàn cảnh thì thấy anh L đã ở ổn định trên diện tích đất và nhà một thời gian dài. Diện tích đất này có nguồn gốc từ gia đình anh L mua cho anh L chị H. Do vậy HĐXX xét thấy để tạo điều kiện thuận lợi cũng như để đảm bảo quyền lợi cho các bên thì cần tiếp tục giao cho anh L được tiếp tục quản Lý sử dụng diện tích đất 79m² và toàn bộ tài sản trên đất và chia anh L nhiều hơn, anh L có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản bằng tiền cho chị H là phù hợp với nguyện vọng của chị H và phù hợp với điều 59 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Chị Hoàng Thị T đang chung sống cùng anh L trên diện tích đất 79m² từ năm 2013. Tuy nhiên khi về chung sống chị không có cải tạo tu sửa gì thêm trên diện

tích đất này. Chị T không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí thẩm định giá. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vi Thị H có đơn yêu cầu định giá tài sản và đã nộp tiền chi phí cho việc định giá. Toàn bộ số tiền chi phí cho việc định giá chị H nhận chịu cả không yêu cầu anh L phải chịu cùng. Do vậy về số tiền chi phí cho việc định giá không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điều điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số: 326/206/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Vi Thị H và anh Chu Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí chia tài sản tương ứng với giá trị tài sản được hưởng.

* Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 91, Điều 147, Điều 227; Điều 271; Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 100; Điều 101 Luật đất đai .

Căn cứ các Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số: 326/206/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của chị Vi Thị H.

Giao cho anh Chu Văn L tiếp tục quản Lý, sử dụng diện tích đất ở rộng 79m² tại thôn C, xã P, huyện LN, Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên anh Chu Văn L. Trên đất có 01 nhà cấp 4 mái tôn +Prô Xi măng có; 01 Bếp lợp Prô Xi măng; 01 Sân bê tông.

Anh Chu Văn L phải trích chia giá trị tài bằng tiền cho chị Vi Thị H với số tiền 300.000.000 đồng. Được trừ đi 20.000.000 đồng giá trị 02 chiếc xe máy chị H đã nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả, mức lãi suất bằng 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Chị Vi Thị H phải 15.000.000 đồng án phí chia tài sản. Xác nhận chị H đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000906 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN. Chị Vi Thị H còn phải nộp tiếp 5.000.000 đồng. Anh Chu Văn L và 20.287.000 đồng án phí chia tài sản. Anh L chưa nộp án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

- Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Hùng